

KẾ HOẠCH
CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI,
NĂM HỌC 2024– 2025

(Ban hành kèm theo kế hoạch số /KH-TrMN ngày tháng 09 năm 2024 của trường MN Diễn Hoàng)

PHẦN A
DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
(Thực hiện từ 09 /9/2024 đến 16/5/2025)

T T	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
1	Trường Mầm non (Thực hiện trong 5 tuần, từ 09/9 đến 18/10/2024)	Ổn định nề nếp và làm quen lớp học nhà trẻ	1	05-13/9/2024
		Bé vui tết trung thu	2	16-20/9/2024
		Cô và các bạn ở nhà trẻ	3	23-27/9/2024
		Đồ chơi của bé	4,5	30/09-18/10/2024
2	Bé với gia đình thân yêu và ngày hội của cô giáo 20/11 (Thực hiện trong 7 tuần, từ 21/10 đến 06/12/2024)	Người thân của bé	6,7	21-25/10/2024 28/10-01/11/2024
		Đồ dùng để ăn.	8	04/11-08/11/2024
		Đồ dùng để uống	9	11/11-15/11/2024
		Ngày hội của cô giáo (Lồng ghép tổ chức ngày hội Thể dục thể thao cấp trường lần 1	10	18/11-22/11/2024
		Đồ dùng sinh hoạt	11	25/11-29/11/2024
		Một số bộ phận trên cơ thể bé	12	02-06/12/2024
3	Những con vật	Những con vật nuôi trong gia đình	13,14	09-13/12/2024

	đáng yêu(Thực hiện trong 6 tuần, từ 09/12 đến 17/01/2025)			16-20/12/2024
		Động vật sống trong rừng	15,16	23-27/12/2024 30-03/01/2025
		Động vật sống dưới nước	17,18	06-17/01/2025
4	Thế giới thực vật, Tết và mùa xuân, ngày vui 08/03 (Thực hiện trong 7 tuần, từ 20/01/2025 đến 07/03/2025)	Những Bông hoa đẹp	19,20	20-24/01/2025 27-31/01/2025
		-Bé vui đón tết (Lồng ghép lễ hội mừng xuân)	21	03-07/02/2025 (Nghỉ tết nguyên đán từ thứ 7, ngày 25/01 đến hết chủ nhật ngày 02/02 tức từ 25/12-05/01)
		Mùa xuân của bé	22	10-14/02/2025
		Một số loại rau	23	17-21/02/2025
		Một số loại quả	24,25	24-28/02/2025
		Ngày vui 08/03	26	03-07/03/2025
5	Bé có thể đi khắp nơi bằng PTGT, (Thực hiện trong 5 tuần, từ 10/03 đến 04/04/2025)	- Phương tiện giao thông đường bộ - đường sắt	27,28	10-14/03/2025 17-21/03/2024
		- Phương tiện giao thông đường thủy	29	24-28/03/2025
		- Phương tiện giao thông đường hàng không	30	31/03-04/04/2025
6	Mùa hè đến rồi (Thực hiện trong 3	Thời tiết mùa hè và các hoạt động trong mùa hè	31,32	07-11/04/2025 14-18/04/2025

	tuần, từ 07/4 đến 25/04/2025)			
		Quần áo trang phục mùa hè	33	21-25/04/2025
7	Bác Hồ kính yêu (Thực hiện trong 2 tuần, từ 05/05 đến 16/5/2025)	Bác Hồ kính yêu và sinh nhật Bác	34,35	05-09/05/2025 12-16/05/2025
	Tổng		35	

PHẦN B

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức bữa ăn	<i>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> - Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 600 - 651 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	
---------------------------------	---	---	--

	b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng hoặc súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường	- Giáo viên chủ	

	xuyên không để ẩm mốc * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tăng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	nhiệm - Bảo mẫu	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung	Giáo viên và bảo vệ	

	dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ		
--	--	--	--

	sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ô màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn - Phụ huynh	

	chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu, đau mắt đỏ...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý		
--	--	--	--

	phòng chống dịch Covid- 19 - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

PHẦN C

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	

a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Chiều cao, cân nặng của trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi	Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi <i>Trẻ trai:</i> - Cân nặng: 9,9 -15,2 kg - Chiều cao: 80,9-94,4 cm <i>Trẻ gái:</i> - Cân nặng: 9,4-14,5kg - Chiều cao: 79,9-93,3 cm
2. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các thức ăn khác nhau; Trẻ ngủ 1 giấc bữa trưa.	- Dạy trẻ làm quen với chế độ ăn cơm và biết ăn các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống: ăn từ tốn, nhai kỹ, không nhồm nhoàm, không nói chuyện riêng. Không dùng tay bốc thức ăn, không xúc thức ăn, cơm của mình bỏ sang bát của bạn và ngược lại... - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
3. Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập cho trẻ đi bô đúng nơi quy định
4. Tập cho trẻ có một số thói quen tốt trong sinh hoạt và làm được một số việc tự phục vụ.	- Dạy trẻ biết ăn chín, uống nước ấm; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. - Dạy trẻ tập tự xúc cơm ăn, uống nước; chuẩn bị chỗ ngủ.(Không dùng tay bốc thức ăn, không xúc thức ăn bỏ sang bát của bạn và ngược lại, Biết lấy cốc uống nước theo đúng ký hiệu cá nhân của mình, không lấy cốc của bạn..) - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt, tập sử dụng nước sát khuẩn tay thường xuyên (Cuối năm). - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - KNS: Dạy trẻ kỹ năng đeo khẩu trang đúng cách. - KNS: Dạy trẻ kỹ năng rửa tay sát khuẩn
5. Trẻ biết giữ gìn sức khỏe như: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Dạy trẻ biết tập tự phục vụ: Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, mặc quần áo phù hợp thời tiết. Tập cho trẻ chấp nhận đeo khẩu trang khi ra khỏi nhà và ở những nơi

	công cộng đúng cách. Không tự tiện đưa tay sờ lên mắt, mũi, miệng khi chưa sát khuẩn hoặc rửa tay bằng xà phòng để phòng chống dịch bệnh. - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng chuẩn bị đồ dùng đi học -GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng đi giày-dép -GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng mặc cài cúc áo -GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng xếp, gấp quần áo
6. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm và hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Dạy trẻ nhận biết bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng là những vật dụng nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. Không leo trèo lên lan can, chơi nghịch với các vật sắc nhọn(Dao, kéo, kiếm, súng bắn nước, que, gậy...đó là những hành động nguy hiểm có thể gây tai nạn ảnh hưởng đến sức khỏe. -GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh điện giật -GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh những nơi nguy hiểm -GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh một số đồ dùng-đồ vật nguy hiểm -GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước.
b. Phát triển vận động	
7. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. -Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
8. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp trẻ đi giữa 2 đường kẻ song song dài 3m rộng 25cm. - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng (Cách nơi trẻ đứng 5-7m)

	- Đứng co 1 chân (Tối thiểu cách đất 10-12cm và giữ được khoảng 2-3 giây) - Đi bước qua gậy kê cao 5cm - Đi theo đường ngoằn ngoèo(Rộng 30-35cm) - Đi bước liên tục vào các ô, vòng có đường kính 25-30cm) - Bước lên bậc cao 15cm - Bước lên xuống bậc có vịn 12cm(Bước lên xuống cầu thang)
9. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay-mắt; Tung – Ném - Bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m;	- Tung- bắt bóng cùng cô(Cô , trẻ đứng đối diện khoảng cách 1,2-1,5m) - Tung bóng bằng 2 tay - Tung bóng qua dây (Cao 80-100cm, xa 1m) - Ném bóng về phía trước - Ném xa = 1 tay - Ném bóng trúng đích Xa 70-100cm
10. Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi Bò, Trườn, Trèo để giữ được vật chuẩn trên lưng	- Bò thẳng hướng theo đường hẹp (Dài 3m, rộng 35-40cm) - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng (3-4m) - Bò chui qua cổng (Cao 50cm, rộng 40cm, đặt cổng cách trẻ 3m) - Bò, trườn qua vật cản (Cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm) - Bò theo đường ngoằn ngoèo(Dích dắc) (Rộng 50cm có 3 điểm dích dắc, khoảng cách các điểm là 2,5-3m) - Trèo lên xuống thang 2 bậc - Trèo lên xuống ghế thể dục - Trườn về phía trước
11. Trẻ thực hiện được vận động Nhún Bật.	- Bật tại chỗ - Bật tại chỗ bằng 2 chân - Bật liên tục qua 2 vòng(2 tiết) - Bật qua vũng nước - Bật qua vạch kẻ
12. Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện «múa khéo ».	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập cuộn cổ tay.
13. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn	- Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây

tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút, tô vẽ nguệch ngoạc - Lật mở trang sách HĐVĐV: Xâu vòng hoa tặng bạn HĐVĐV: Xếp đường đi tới trường HĐVĐV: Xâu vòng hoa tặng bà tặng mẹ HĐVĐV: Xếp cái bàn, cái ghế, cái giường HĐVĐV: Xếp nhà, xếp hàng rào... HĐVĐV: Xâu con vật to- nhỏ tặng bạn HĐVĐV: Chơi so hình to- nhỏ HĐVĐV: Xâu vòng hoa màu xanh, màu đỏ, màu vàng tặng bạn HĐVĐV: Bày quả ra đĩa HĐVĐV: Xếp quần áo của bé HĐVĐV: Xếp đồ chơi vào rổ HĐVĐV: Xếp công trường, đường đi HĐVĐV: Xâu vòng tặng cô HĐVĐV: Chơi với vòng.
---	--

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

a. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.

14. Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc -Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật -Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn) xù xì - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
15. Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Dạy trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (Cái bát, Cái thìa, Cái đĩa; Cái ấm, Cái chén, Cái ca; Cái bàn, Cái ghế, cái tủ) + NBTN: Đồ dùng để ăn(Bát, đĩa, thìa...) + NBTN: Đồ dùng để uống (Cái ấm, chén, ca, cốc...) + NBTN: Đồ dùng để sinh hoạt (Cái bàn, cái ghế, giường, tủ...)

	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp (đu quay, cầu trượt, búp bê...) + NBTN: Xít đu – cầu trượt... + NBTN: Quả bóng – búp bê ...
16. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc chính của những người thân gần gũi trong gia đình(Bố, mẹ) - NBTN: Người thân của bé: Ông, bà, bố, mẹ.
17. Trẻ nói được tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp - NBTN: Cô và các bạn ở nhà trẻ
18. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Nhận biết Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (Ô tô búp bê; Đèn lồng đèn ông sao...) - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc - GD cho trẻ kỹ năng chăm sóc cây cảnh.
19. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- NBPB: Một số bộ phận trên cơ thể bé
20. Trẻ nói được tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	- NBTN: Xe đạp – Xe máy - ô tô - NBTN: Đèn xanh – đèn đỏ - đèn vàng. - NBTN: Tàu thủy – ca nô – thuyền buồm - NBTN: Máy bay – trực thăng
21. Trẻ biết chỉ/ nói tên hoặc lấy, cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh - NBPB: Nhận biết đồ dùng màu xanh, màu đỏ - NBPB: Nhận biết đồ dùng màu xanh, màu đỏ, màu vàng - NBPB con vật xanh, con vật đỏ, con vật vàng - NBPB: Cắm hoa màu đỏ - hoa màu vàng vào lọ - NBPB: Nhận biết màu đỏ - màu vàng - NBPB: Quần áo màu xanh, màu vàng, màu đỏ. (Mùa hè,mùa đông)
22. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Nhận biết phân biệt về kích thước (to-nhỏ) của đồ vật, con vật, đồ dùng đồ chơi...
23.Trẻ nhận biết được một vài dấu hiệu về thời tiết mùa hè và các hoạt động	- NBTN: Mùa hè quê em - NBTN: Du lịch cùng bé

chính trong mùa hè	NBTN: Trang phục mùa hè
24. Trẻ nhận biết được hình tròn, hình vuông.	- Nhận biết gọi tên hình vuông - hình tròn (2 Tiết)
25. Trẻ biết xác định vị trí trong không gian (Trên –dưới; trước –sau) so với bản thân trẻ.	+ NBPB: Nhận biết phía trên, phía dưới của bản thân trẻ. + NBPB: Nhận biết phía trước, phía sau của bản thân trẻ.
26. Trẻ biết nhận biết số lượng 1- nhiều	-Số lượng 1 và nhiều NBPB: Nhận biết phân biệt một và nhiều
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
a. Nghe hiểu lời nói	
27. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc(Ngồi xuống, đứng lên, chạy, nhảy, nhún, lắc lư, cầm tay nhau...) - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói (Chào cô, rửa tay, mặc quần áo, trả lời câu hỏi, thực hiện bài tập,...)
28. Trẻ biết trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “Làm gì?”; “Thế nào?”	- Nội dung trò chuyện dựa theo các chủ đề gần gũi của trẻ như: Gia đình, con vật, hoa quả, giao thông.
29. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	Chủ đề: Trường Mầm non. - Cháu chào ông a, - Gấu con chia quà, gà tơ đi học... Chủ đề : Bé với gia đình thân yêu - Thỏ con không vâng lời, - Cháu chào ông a, - Kể chuyện theo tranh: Cả nhà ăn dưa hấu, Vịt con lông vàng, Chủ đề: Những con vật đáng yêu. - Đôi bạn nhỏ, - Quả trứng, - Thỏ con không vâng lời (<i>Biên soạn lại: Nguyễn Thị Thảo</i>), - Cô vịt tốt bụng Chủ đề: Tết và mùa xuân- Rau, quả và những bông hoa đẹp - Kể chuyện theo tranh: - Cả nhà đón tết,

	- Cây táo thân, - Thỏ con ăn gì?, - Mùa xuân đã về. - Cây táo, - Rừng (Thu Hà), Chủ đề: Bé với phương tiện giao thông. - Bé Mai đi chơi công viên, - Chuyến du lịch của gà trống choai, - Vì sao thỏ cụt đuôi, - Vịt và rùa đi tắm biển, - Câu chuyện về chú xe ủi. Chủ đề: Bé với mùa hè: - Chào buổi sáng, - Cóc gọi trời mưa, - Chiếc ô của thỏ trắng, - Mèo nhát, - Sóc và thỏ đi tắm nắng... - Gấu con chia quà, - Chào buổi sáng , - Kể chuyện theo tranh: một ngày của bé, - Thỏ con không vâng lời
<i>b, Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</i>	
30. Trẻ biết nói và sử dụng các từ rõ ràng khi chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- Dạy trẻ phát âm rõ ràng các âm, từ. - Dạy trẻ sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
31. Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng trong chương trình phù hợp độ tuổi. * Chủ đề: Trường Mầm non. - Bạn mới (Nguyệt Mai), - Miệng xinh , - Lời chào - Bé đi nhà trẻ (Hoàng Kim Định), - Yêu mẹ (Nguyễn Bảo); - Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn); - Khăn đỏ (Phạm Hồ) * Chủ đề : Bé với gia đình thân yêu - Yêu mẹ (Nguyễn Bảo), - Đi dép (Phạm Hồ), - Lấy tắm cho bà, - Bóng mây (Thanh Hà), - Dậy sớm (Phạm Hồ),

	- Nụ cười của bé (<i>Tô Thu Hiền</i>) * Chủ đề: Những con vật đáng yêu. - Gà gáy (<i>Phạm Hổ</i>), - Con trâu (<i>Hồng Lam sưu tầm</i>), - Đàn bò (<i>Trần Thanh Dịch</i>), - Gọi nghé (<i>Sưu tầm</i>), - Tìm ổ (<i>Võ Quảng</i>), - Rong và cá (<i>Phạm hổ</i>), - Cá vàng (<i>Nguyễn Bảo</i>), - Chim sâu (<i>Phong Thu</i>), - Con Kiến (<i>Hồng Trang</i>), - Đàn lợn con (<i>Sưu Tầm</i>) * Chủ đề: Tết và mùa xuân- Rau, quả và những bông hoa đẹp - Cây đào (<i>Nhược Thủy</i>), - Hoa kết trái (<i>Thu Hà</i>) . - Tết là bạn nhỏ (<i>Phan Trọng Bảo Viên</i>), - Mùa xuân. - Bắp cải xanh (<i>Phạm Hổ</i>), - Củ su hào, - Cây đào (<i>Nhược Thủy</i>), - Hoa kết trái (<i>Thu Hà</i>) . - Tết là bạn nhỏ (<i>Phan Trọng Bảo Viên</i>), - Mùa xuân. * Chủ đề: Bé với phương tiện giao thông. - Đèn xanh đèn đỏ. - Xe đạp - Con tàu , - Xe chữa cháy (<i>Phạm Hổ</i>), - Tiếng còi tàu (<i>Hồng Vi</i>),<i>đi chơi phố, đi chợ tết.</i> * Chủ đề: Bé với mùa hè: - Ông mặt trời , Mưa . Chim quốc (<i>Phạm Hổ</i>), Cầu vồng (<i>Nhược Thủy</i>) - Cô giáo của em , bàn tay cô giáo(<i>Định Hải</i>), Mẹ và cô (<i>Trần Quốc Toàn</i>) *Chủ đề: – Quê hương đất nước bác hồ “Cô và mẹ”; “Bàn tay cô giáo”; “Bác Hồ của em”.
32. Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	* Kể lại chuyện được nghe nhiều lần có sự hướng dẫn của giáo viên *Chủ đề “ trường mầm non”

	“Đôi bạn tốt”; “Vệ sinh buổi sáng”; “Chiếc đu màu đỏ”. *Chủ đề “Gia đình thân yêu của bé” Chuyện: “Cháu chào ông ạ”; “Thỏ con không vâng lời”; “Giờ ngủ” *Chủ đề: Rau củ quả những bông hoa đẹp- Tết và mùa xuân Chuyện: “Cây táo”; “Kể chuyện theo tranh Cả nhà cùng chúc tết ông bà”; “Mùa xuân đã về”. *Chủ đề: “Những con vật đáng yêu” Chuyện: “Con cáo”; “Quả trứng”; “Thỏ Ngoan”; “Lợn con sạch lắm rồi” “Thỏ con ăn gì”; “Cô vịt tốt bụng”; “Vịt con lông vàng” “Chim sâu”. *Chủ đề: Bé với phương tiện giao thông” Chuyện: “Chuyến du lịch của gà trống choai”; “Vì sao thỏ cụt đuôi”. *Chủ đề: Mùa hè của bé Chuyện: “Chiếc ô của thỏ trắng”; “Bài học đầu tiên của gấu con”. *Chủ đề:– Bác Hồ kính yêu” Chuyện: “Khen các cháu”; “Chiếc đu màu đỏ”.
c, Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
33. Trẻ biết nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Trẻ thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài
34. Trẻ biết sử dụng lời nói phù hợp với các mục đích khác nhau.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn
d, Làm quen với sách	
35. Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Dạy trẻ biết chú ý lắng nghe khi người lớn đọc sách.
36. Trẻ thích xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Dạy trẻ cách xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
a, Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
37. Trẻ biết nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân

38. Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích, biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Dạy trẻ biết thể hiện và nói lên một số đồ dùng đồ chơi yêu thích, không thích của mình
39. Trẻ biết thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên	- Dạy trẻ biết thực hiện các yêu cầu của giáo viên
b, Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
40. Trẻ nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận
41. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi	- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi
c, Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
42. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă vâng ạ	-Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” chơi cạnh bạn, không cầu bạn
43. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Trẻ tập làm, thể hiện, nhập vai để tham gia chơi trong hoạt động chơi ở các khu vực chơi.
44. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn
45. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp, xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
46. Trẻ biết quan tâm đến các vật nuôi	- Dạy trẻ quan tâm đến vậ nuôi: Yêu thương, chăm sóc, bảo vệ.
d, Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	
47. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	* Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc * Chủ đề: “Trường mầm non” -“Chiếc đèn ông sao”; “Đi nhà trẻ”; “Cô và Mẹ”; “Dậy tay”; “Cháu yêu bà”; “Lời chào buổi sáng”. * Chủ đề: “Gia đình thân yêu của bé” “Lại đây với cô”; “Cháu yêu bà”; “Cả nhà đều yêu”; “Cô và mẹ”; “Đôi dép”; “Sắp đến tết rồi”. * Chủ đề: Rau củ quả, những bông hoa đẹp tết và mùa xuân”

	-“Cây bắp cải xanh”; “Em yêu cây xanh”; “Bé và hoa”; “Hái hoa hái quả”, “sắp đến tết rồi”. * Chủ đề: “Bé với phương tiện giao thông” - “Đoàn tàu nhỏ xíu”; “Em tập lái ô tô”; “Lái ô tô”; “Đèn đỏ đèn xanh”. * Chủ đề: “Mùa hè của bé” -“Cháu vẽ ông mặt trời”; “Mùa hè đến”. * Chủ đề: - Bác Hồ kính yêu”. -“ Cháu lên ba”; “Cô và mẹ”; “Em mơ gặp Bác Hồ”. * Chủ đề: Những con vật đáng yêu. - Con gà trống, một con vịt, cá vàng bơi, ếch ộp, trời nắng trời mưa, đi một hai, * Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ * Chủ đề: Trường Mầm non. - Cô giáo (<i>Nhạc: Đỗ Mạnh Thường, Lời thơ: Nguyễn Hữu Tưởng</i>), lớp chúng mình , ngủ đi, biết vâng lời mẹ (<i>Minh Khang</i>). Trường chúng cháu đây là trường mầm non (<i>Phạm Tuyên</i>); - VĐTN : Em biết vâng lời mẹ dạy (<i>Minh Khang</i>), Bé và trăng (<i>Bùi Anh Tôn, lời thơ: Lê Bình</i>), Cò lã (<i>Dân ca đồng bằng Bắc Bộ</i>) - T/C Âm Nhạc :Ai đoán giỏi ,tai ai tinh * Chủ đề : Bé với gia đình thân yêu - Cả nhà đều yêu (<i>Bùi Anh tôn</i>), - Cả nhà thương nhau (<i>Phan Văn minh</i>) - Ba mẹ là quê hương(<i>Lê Xuân Thọ</i>), - Con cò cánh trắng. (<i>Lê Xuân Thọ</i>), - Mẹ yêu không nào (<i>Lê Xuân Thọ</i>), - Chim mẹ chim con (<i>Đặng Nhất Mai</i>) - T/C Âm Nhạc :Ai đoán giỏi ,tai ai tinh * Chủ đề: Những con vật đáng yêu. - Gà trống mèo con và cún con (<i>Thế Vinh</i>) - Chú voi con ở bản đôn. - Voi làm xiếc.
--	--

	- Lý con khỉ. - Con chim vành khuyên - Chim chích chòe, - Con cò cánh trắng..... - Chú bộ đội * Chủ đề: Tết và mùa xuân- Rau, quả và những bông hoa đẹp - Lý cây bông (<i>DCNBộ</i>), - Hoa trong vườn (<i>DC Thanh Hóa</i>), - Quả - T/C ÂN : Ai đoán giỏi Tai ai ting ,nghe tiếng hát tìm đồ vật Âm thanh to nhỏ * Chủ đề: Bé với phương tiện giao thông. - Anh phi công ơi (<i>Nhạc: Xuân Giao, Lời thơ: Xuân Quỳnh</i>), - Em đi chơi thuyền (<i>Trần Kiết Tường</i>) - Chúng em chơi giao thông”; - Bạn ơi có biết”; - Đường và chân”. - VĐTN : Tập lái ô tô, - Đoàn tàu nhỏ xíu (<i>Mộng lân</i>) - T/C : Tiếng hát to, tiếng hát nhỏ , Vỗ tiếng to vỗ tiếng nhỏ * Chủ đề: Bé với mùa hè: - Cho tôi đi làm mưa với, nắng sớm - Trời nắng trời mưa - T/C AN: nghe tiếng hát chọn đồ chơi *Chủ đề: - Bác Hồ kính yêu”. - “Nhớ ơn Bác”; - Cùng múa vui”. - Trò chơi âm nhạc: “Nghe âm thanh to nhỏ”; “Hát theo hình vẽ”
48. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh	*Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình * Chủ đề: “Trường mầm non” - Làm quen với sáp màu; - Làm quen đất nặn; - Di màu tranh quả bóng; - Di màu đèn ông sao; - Di màu cái trống lắc; - Tô màu bong bóng; - Tô màu chiếc yếm * Chủ đề: Gia đình thân yêu của bé - Tô đường về nhà;

	- Tô màu tranh cái cốc; - Tô màu tranh cái xô cho cô cấp dưỡng ; - Tô màu tranh áo cho mẹ ; - Vẽ hoa tặng cô giáo; - Nặn đôi đũa * Chủ đề: «Rau quả, những bông hoa đẹp - Tết và mùa xuân - Tô màu củ cà rốt ; - Tô màu bánh chưng ; - Vẽ mưa mùa xuân; - Dán lá cho cành hoa ; - Nặn quả cam ; - Nặn quả chuối * Chủ đề : Những con vật đáng yêu - Tô màu con cá heo ; - Tô màu con voi ; - Nặn đồ ăn cho gà vịt * Chủ đề :Bé với phương tiện giao thông: - Tô màu ô tô ; - Tô màu mũ bảo hiểm ; - Tô màu tranh bông hoa mừng cô; - - - Nặn bánh xe ô tô * Chủ đề : «Mùa hè của em » - Vẽ tia ông mặt trời; - Tô màu chiếc ô; - Tô màu bánh ga tô; * Chủ đề : - Bác Hồ kính yêu - Nặn bánh sinh nhật ; - Tô màu ô tô, búp bê *Xem tranh
--	---

P. HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Liên

